

Bản án số 13/2024/DS-ST  
Ngày 19.4.2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cơ
2. Ông Nguyễn Công Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ D, Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diễm X - sinh năm 1982; nơi cư trú: 2 L, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2023*), (*Có mặt*).

*2. Bị đơn:*

Ông Huỳnh Hữu T - sinh năm 1982, (*Vắng mặt, không có lý do*);

Bà Trần Thị Hồng T1 - sinh năm 1981,

Cùng nơi cư trú: 59 P, tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1: Bà Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1998 và bà Nguyễn Tú Q - sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: Tầng 4, Tòa nhà D, số G - G B, phường H, quận H, TP.Đà Nẵng, (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Giấy uỷ quyền ngày 02 tháng 12 năm 2023), (Bà H vắng mặt, không có lý do; bà Q vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt).*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1: Ông Nguyễn Hữu N - Luật sư của Chi nhánh Công ty L1 tại TP.Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà D, số G - G B, phường H, quận H, TP.Đà Nẵng, (Có mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị S và ông Huỳnh Hữu T quen biết nhau hơn 10 năm nay. Do cần tiền để đáo nợ Ngân hàng, từ ngày 14 tháng 7 năm 2020 đến ngày 07 tháng 10 năm 2021, ông T đã lần lượt mượn của bà S 05 lần với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14 tháng 7 năm 2020, mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng;

- Lần 2: Ngày 06 tháng 8 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày;

- Lần 3: Ngày 28 tháng 8 năm 2021, mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng;

- Lần 4: Ngày 14 tháng 9 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày;

- Lần 5: Ngày 07 tháng 10 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày;

Đến hạn thanh toán, sau rất nhiều lần liên lạc, cả ông T và vợ là bà Trần Thị Hồng T1 đều hứa hẹn, trốn tránh không trả nợ cho bà S. Ngày 10 tháng 4 năm 2023, bà S đã gặp bà T1, biết được tình cảnh khó khăn của gia đình nên bà S đã đồng ý chỉ nhận lại số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), với điều kiện là phải trả ngay. Bà T1 đã rất cảm kích, hứa sẽ đem tiền lên nhà bà S để trả ngay và ký tên vào Giấy xác nhận ngày 10 tháng 4 năm 2023. Tuy nhiên, sau đó, ông T và

bà T1 vẫn chây ỳ, không trả tiền cho bà S1.

Tháng 4 năm 2023, bà Nguyễn Thị S đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu yêu cầu ông T và bà T1 trả nợ. Ông T và bà T1 đã đến Tòa án hứa hẹn sẽ trả tiền ngay cho bà S khi bán nhà và đề nghị bà S rút đơn khởi kiện. Ngày 23 tháng 6 năm 2023, bà S đã rút đơn khởi kiện nhưng sau khi bán nhà, ông T và bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Nay, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hữu T và bà Trần Thị Hồng T1 trả cho bà S số tiền là 1.651.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu đồng*), gồm: Nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2021 đến ngày 24 tháng 01 năm 2024 là 351.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Mặc dù tại các giấy mượn tiền không ghi mục đích mượn tiền nhưng tại thời điểm mượn tiền, ông T và bà T1 là vợ chồng hợp pháp. Ông T mượn tiền của bà S nhằm mục đích làm ăn để tạo ra nguồn thu nhập nuôi sống gia đình. Do vậy, ông T và bà T1 có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền vay cho bà S theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T và bà T1 trả số tiền 1.300.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, yêu cầu tính từ ngày đến hạn thanh toán của khoản vay sau cùng - ngày 18 tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử - ngày 19 tháng 4 năm 2024 là 30 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể:  $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 323.700.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng số tiền gốc và lãi, bà S yêu cầu ông T và bà T1 thanh toán là 1.623.700.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng*).

\* Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1 là bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Tú Q trình bày:

Khoản vay giữa bà Nguyễn Thị S và ông Huỳnh Hữu T thì bà Trần Thị Hồng T1 không biết. Bà T1 không hề nhìn thấy các giấy vay mượn tiền, đây là giao dịch riêng giữa ông T và bà S (*Nếu có*). Tài liệu do bà S cung cấp không có nội dung nào chứng minh bà T1 cùng ông T vay tiền của bà S (*Nếu có*). Toàn bộ quá trình giao dịch giữa ông T, bà S (*Nếu có*) như bàn giao tiền vay và thanh toán tiền, bà T1 chưa từng nhìn thấy và không rõ về tính chính xác các giấy tờ này. Giấy xác nhận ngày 10 tháng 4 năm 2023 không phải nội dung do bà T1 xác nhận và bà T1 cũng chưa từng ký vào tờ giấy xác nhận nào có nội dung như giấy xác nhận do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Từ trước đến nay, bà T1 không thấy ông T đem khoản tiền vay nào về nhà và khoản tiền cũng không sử dụng vào mục đích chung của hai vợ chồng. Do vậy, bà T1 không có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch do một mình ông T thực hiện.

Nguyên đơn trình bày tại phiên hòa giải ngày 23 tháng 6 năm 2023, bà T1 và ông T có hứa sẽ trả nợ thì bà S rút đơn khởi kiện là không có căn cứ, vì tại phiên hòa giải ngày 06 tháng 6 năm 2023, bà T1 vẫn không xác nhận nợ và không biết khoản nợ giữa bà S và ông T.

Nay, bà S khởi kiện thì bà T1 không đồng ý.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Huỳnh Hữu T không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Xác minh ở địa phương, thể hiện: ông T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ E P, tổ B, phường H, quận L, TP.Đà Nẵng, nhưng không cư trú. Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông T bằng hình thức niêm yết công khai.

Tại phiên toà, ông T vắng mặt lần hai, không có lý do.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1 trình bày: Theo cung cấp của bà T1 thì ông T đã bỏ đi được 02 năm, không liên hệ với gia đình, bà T1 không biết rõ ông T ở đâu. Việc Tòa án tổng đạt đến địa chỉ ông T ghi trong các giấy mượn tiền là thiếu chính xác, không đảm bảo tố tụng. Tòa án không thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là không thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dẫn đến việc ông T không tham gia vào vụ án sẽ không đảm bảo được tính khách quan của vụ án. Tại các giấy mượn tiền do bà S cung cấp cho Tòa án, chữ viết của ông T không giống nhau, chữ viết tay không có cơ quan nào xác thực chữ ký. Bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh chuyển tiền cho mượn. Ông T mượn tiền liên tục mà không ghi mục đích mượn, không trả được lần nào mà bà S vẫn tiếp tục cho vay. Do vậy, có nhiều vấn đề chưa được chứng minh, xác thực nên chứng cứ chưa đủ để chứng minh. Bà T1 không chịu trách nhiệm liên đới nếu như có việc vay mượn tiền, do: Bà T1 không ký vào các giấy mượn tiền, không có chứng cứ nào chứng minh ông T sử dụng tiền vay mượn cho mục đích chung, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Giấy xác nhận ngày 10 tháng 4 năm 2023 có dấu hiệu thêm, chèn chữ, tẩy xóa, có nội dung mâu thuẫn với các giấy mượn tiền, không chứng minh được nguồn gốc chủ thể ký kết. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1 đã có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng, bị đơn - ông Huỳnh Hữu T

không tham gia quá trình tố tụng, vắng mặt tại các phiên toà là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, buộc ông Huỳnh Hữu T phải trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 1.623.700.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc buộc bà Trần Thị Hồng T1 phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản nợ nói trên với ông Huỳnh Hữu T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S đã cung cấp địa chỉ của ông Huỳnh Hữu T đúng theo địa chỉ được ghi trong các giấy mượn tiền, phù hợp với xác minh của Toà án. Việc ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà S, được coi là cố tình giấu địa chỉ. Toà án thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng cho ông T là đúng quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, khoản 5 Điều 177 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - ông Huỳnh Hữu T, nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần hai, không vì sự kiện bất khả năng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S2 về việc yêu cầu ông Huỳnh Hữu T và bà Trần Thị Hồng T1 thanh toán số tiền mượn 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*), Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Huỳnh Hữu T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

Ông T đã mượn của bà S2 05 lần tiền. Cụ thể:

- Ngày 14 tháng 7 năm 2020, mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng;

- Ngày 06 tháng 8 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày;

- Ngày 28 tháng 8 năm 2021, mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 02

tháng;

- Ngày 14 tháng 9 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày;

- Ngày 07 tháng 10 năm 2021, mượn số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày.

Tổng cộng số tiền ông T mượn của bà S2 là 1.300.000.000 đồng.

Đến nay, đã quá hạn thanh toán, nhưng ông T chưa trả nợ cho bà S2.

[2.1.2] Các Giấy mượn tiền đều có nội dung: số tiền ông Huỳnh Hữu T mượn, thời gian mượn, cam kết “Tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã mượn” và chữ ký của người mượn tiền - ông Huỳnh Hữu T, không có nội dung mục đích vay, lãi suất vay, cũng không có chữ ký của vợ ông T là bà Trần Thị Hồng T1.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1 đều khẳng định bà T1 không biết việc ông T mượn tiền của bà S2, ông T không mang tiền về để sử dụng mục đích chung gia đình.

Giấy xác nhận đề ngày 10 tháng 4 năm 2023, có nội dung: “Tháng 8,9.2021, ông Huỳnh Hữu T bà T1 có mượn của tôi Nguyễn Thị S số tiền 1.300.000.000 đồng...Nay vợ chồng ông T bà Trần Thị Hồng T1...có hứa là sau này bà T1 trả cho tôi 300.000.000đ...tôi sẽ không lấy 1 tỉ mà cho luôn 1 tỉ...”. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thừa nhận do bà S1 viết.

Tại giấy này có phần xác nhận của bà Trần Thị Hồng T1: “Chị S hứa cho tôi 1 tỷ, còn chỉ chả cho chị 300 triệu...”, “chị S1 nói sau này có tiền chỉ chả cho chị 300.000 đồng thôi còn chị cho em 1 tỷ là được rồi”. Người đại diện theo uỷ quyền của bà T1 cho rằng bà T1 không ký vào giấy này, nhưng trong suốt quá trình tố tụng không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà T1.

Hội đồng xét xử xác định chữ ký và chữ viết của bà T1 tại giấy xác nhận này là đúng, tuy nhiên bà T1 không xác nhận số tiền bà mượn của bà S.

Do không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Trần Thị Hồng T1 xác nhận việc vay mượn tiền của bà S, đồng thời không có căn cứ để xác định ông Huỳnh Hữu T vay tiền của bà S nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Căn cứ các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định khoản vay của ông Huỳnh Hữu T đối với bà S là khoản vay cá nhân, bà Trần Thị Hồng T1 không có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho bà S.

[2.1.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền được quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, xử buộc ông Huỳnh Hữu T phải thanh toán cho bà S số tiền nợ 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*), là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp

luật; đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng T1 có trách nhiệm liên đới cùng với ông T trả nợ cho bà S.

[2.2] Bà S yêu cầu ông T, bà T1 trả số tiền lãi tính đến hạn thanh toán của khoản vay sau cùng - ngày 18 tháng 10 năm 2021 đến ngày xét xử - ngày 19 tháng 4 năm 2024 là 30 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, là 323.700.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử đã xác định bà T1 không có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả tiền nợ vay cho bà S nên bà T1 cũng không có trách nhiệm trả lãi trên số tiền vay cho bà S.

Khoản vay của ông T là khoản vay không có lãi, thời gian yêu cầu tính lãi có lợi cho ông T, mức lãi suất yêu cầu đúng với quy định các điều 466 và 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T phải trả cho bà S số tiền lãi 323.700.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - bà Trần Thị Hồng T1 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

[4] Bị đơn - ông Huỳnh Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + 3% x (1.623.700.000 đồng - 800.000.000 đồng) = 60.711.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Huỳnh Hữu T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Xử: Buộc ông Huỳnh Hữu T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị S số tiền nợ 1.300.000.000 đồng và tiền lãi 323.700.000 đồng, tổng cộng là 1.623.700.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Trần Thị Hồng T1 cùng ông Huỳnh Hữu T trả số tiền nợ 1.623.700.000 đồng.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm là 60.711.000 đồng (*Sáu mươi triệu bảy trăm mười một ngàn đồng*) ông Huỳnh Hữu T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí 30.180.000 đồng (*Ba mươi một trăm tám mươi ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 002365 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**



